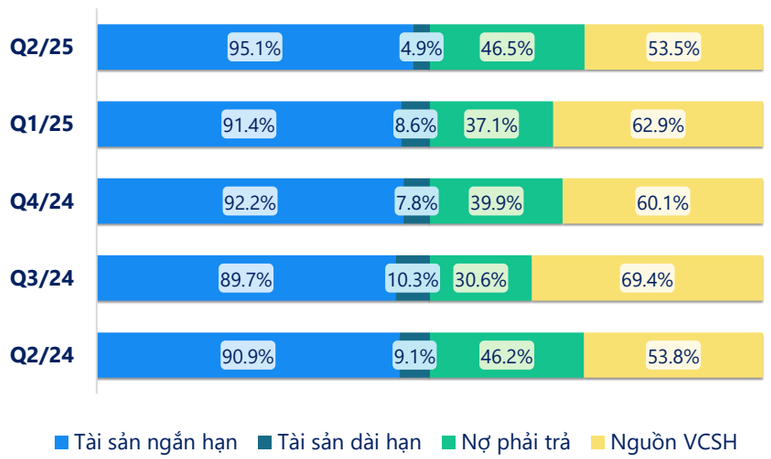
FireAnt

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,190
SL cổ phiếu LH	15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,460
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
P/E	119.3
EPS	79

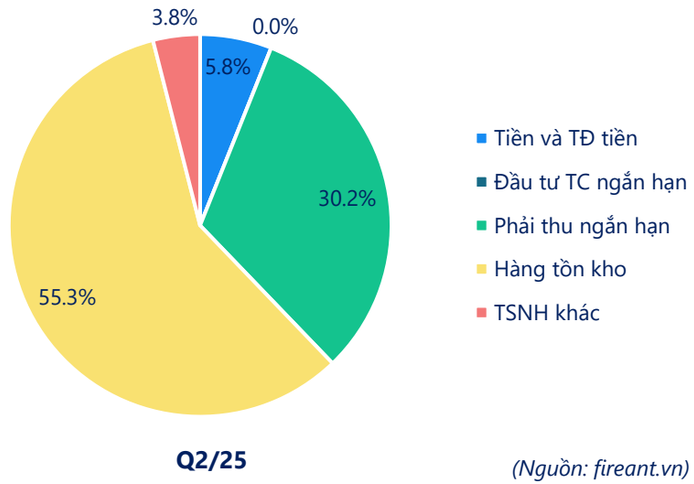
	YTD	1T	3T	6T
VCA	-21.9%	-4.4%	-17.5%	-23.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



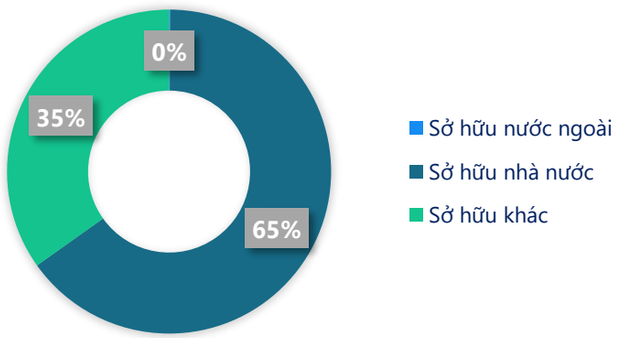
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



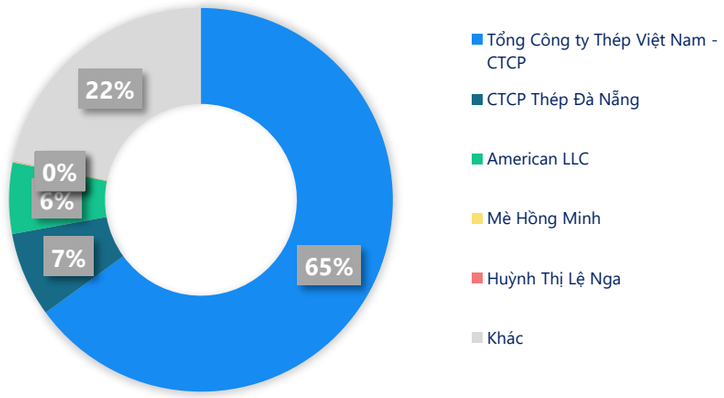
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



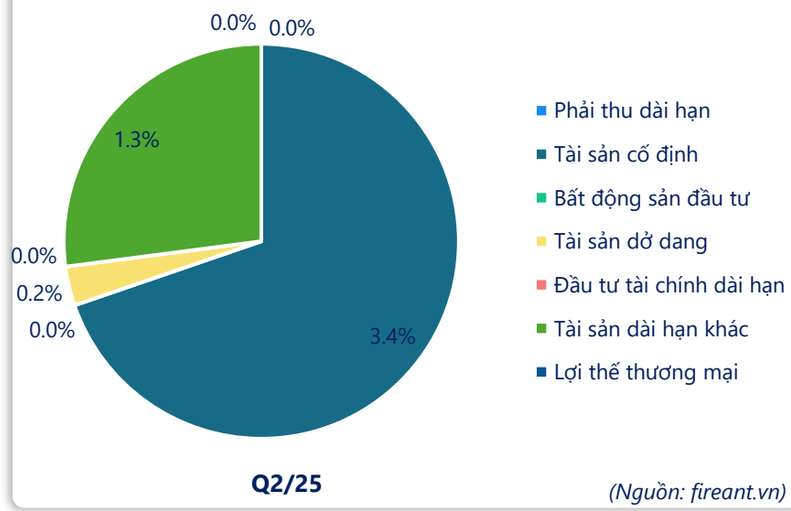
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

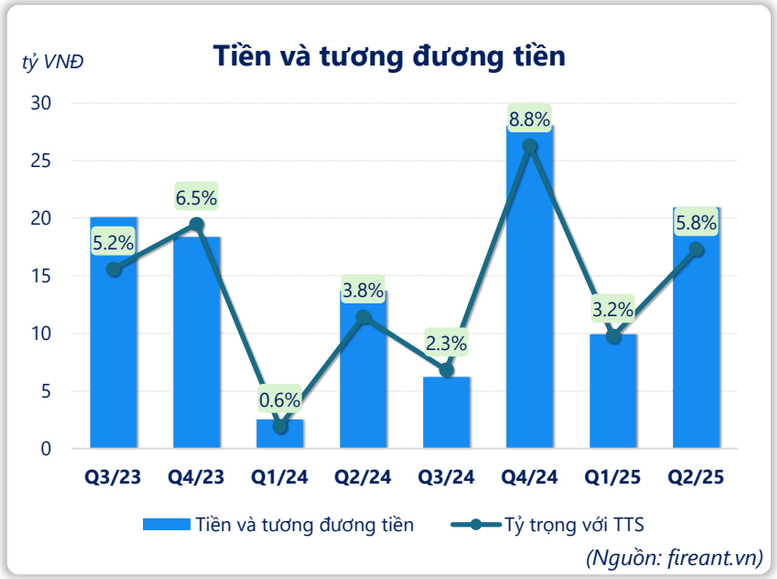
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



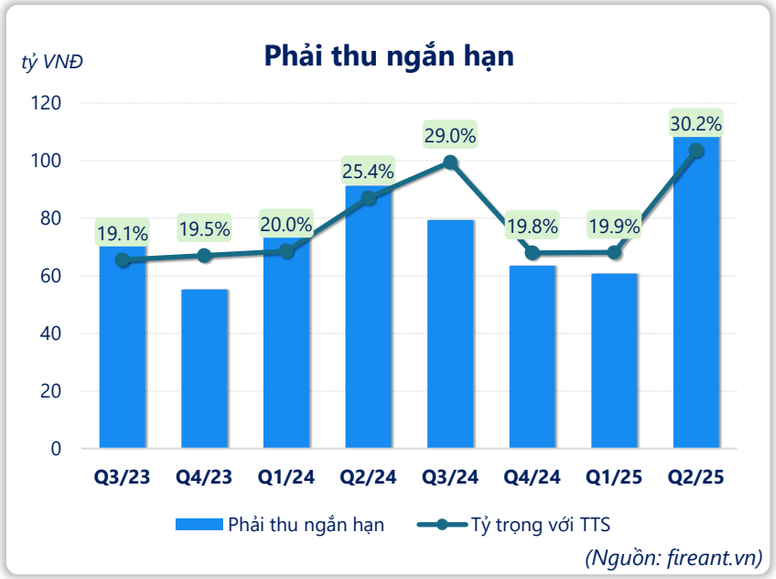
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

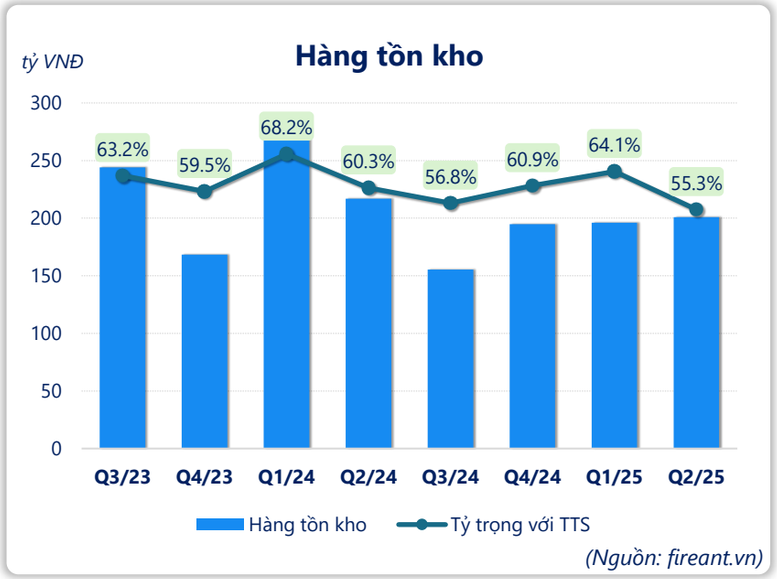
CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)



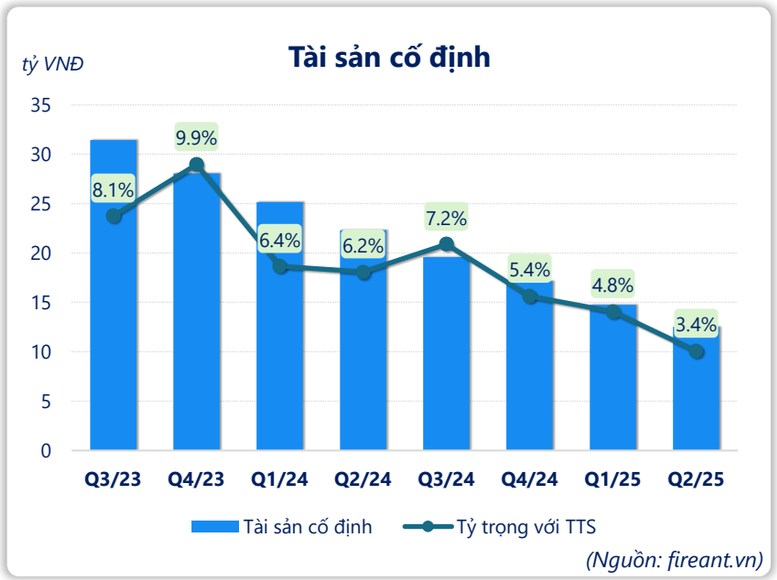
(Nguồn: fireant.vn)



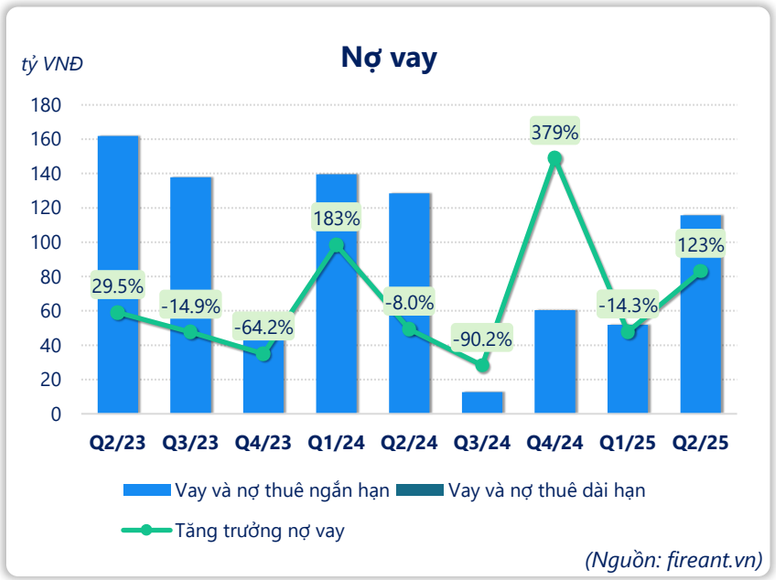
(Nguồn: fireant.vn)



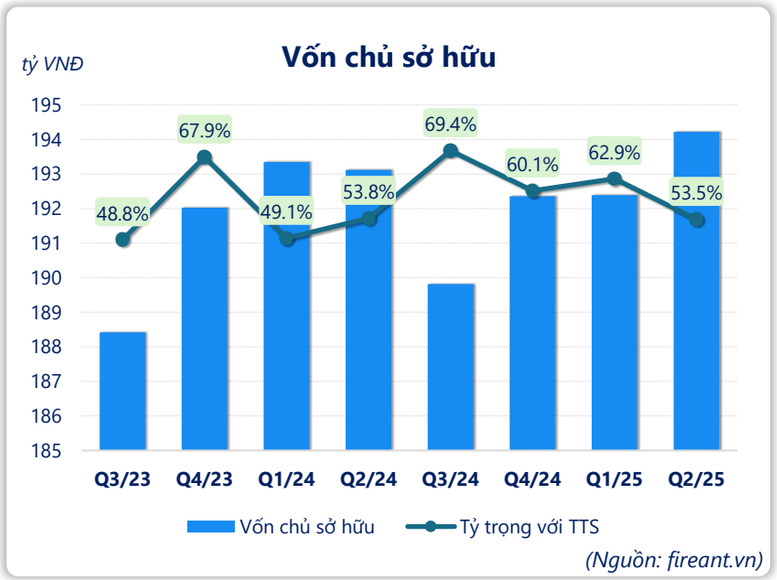
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

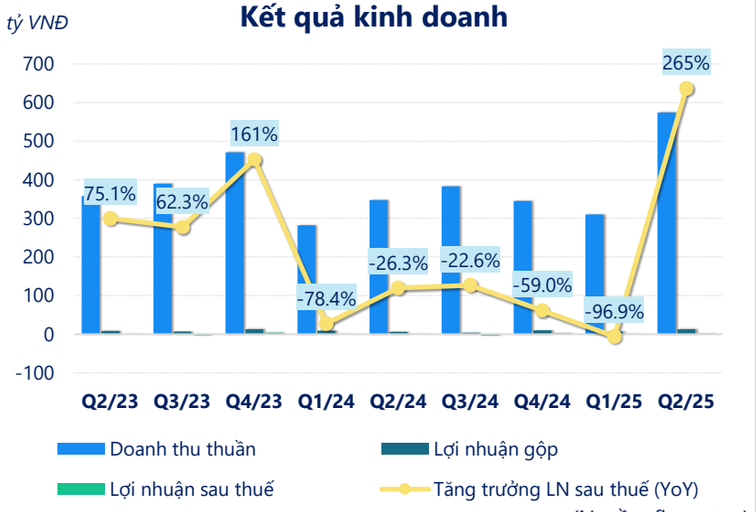


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

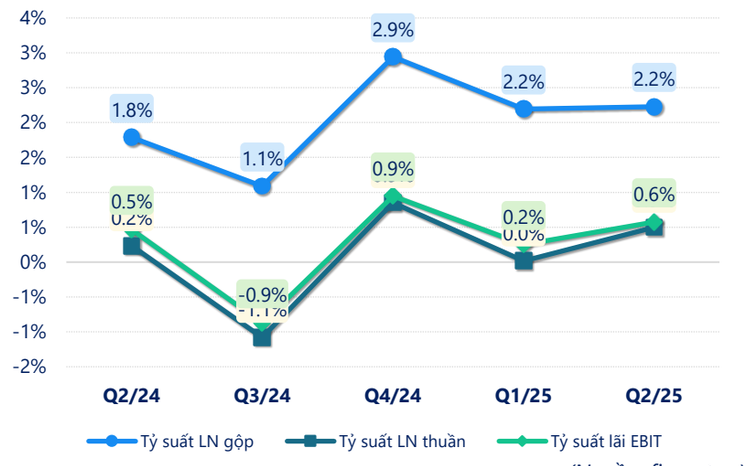
CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)

Kết quả kinh doanh



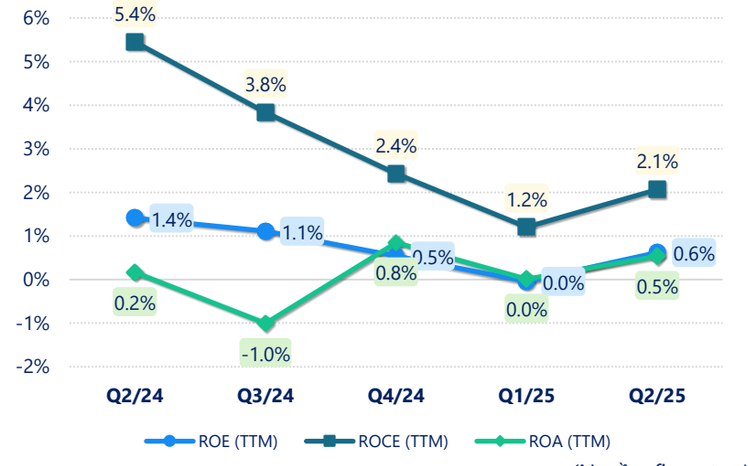
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



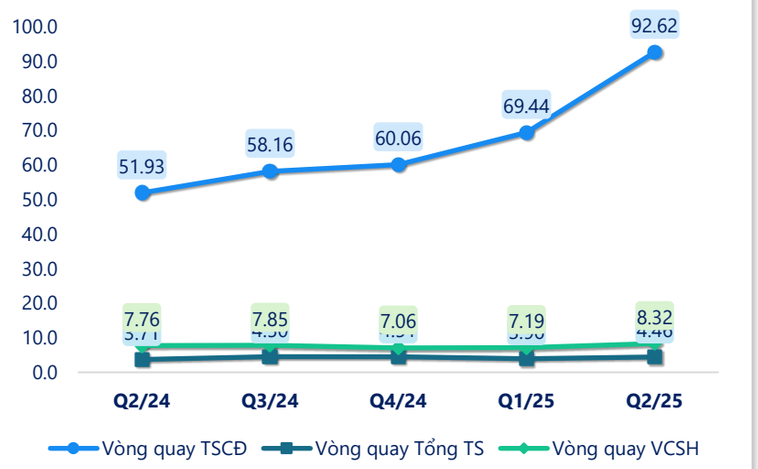
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



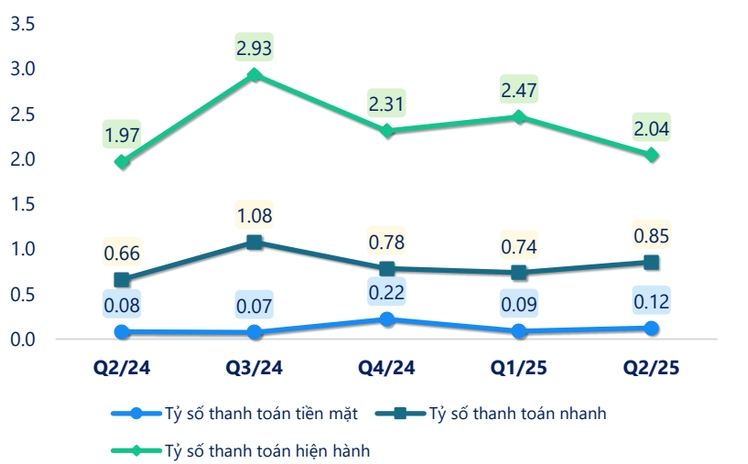
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



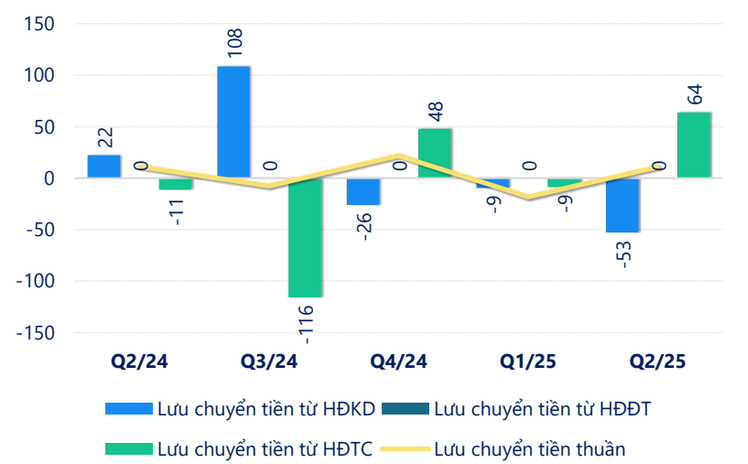
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**363**	**320**	**13.4%**
Tài sản ngắn hạn	345	295	17.0%
Tiền và tương đương tiền	20.9	28.0	-25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	110	63.4	72.7%
Hàng tồn kho	201	195	3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.7	8.62	58.8%
Tài sản dài hạn	**18.0**	**25.1**	**-28.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.5	17.1	-27.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.58	0.58	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.86**	**7.37**	**-34.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	169	128	32.2%
Nợ ngắn hạn	**169**	**128**	**32.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	60.4	91.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.0	47.0	-12.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**194**	**192**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**194**	**192**	**1.0%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	348	383	345	311	574
Giá vốn hàng bán	341	379	335	304	561
Lợi nhuận gộp	6.21	4.17	10.1	6.81	12.8
Doanh thu HĐTC	0.19	0.05	0.74	0.71	0.84
Chi phí TC	0.82	0.81	0.36	1.00	0.78
Chi phí lãi vay	0.81	0.80	0.33	0.73	0.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.34	3.40	3.18	2.69	4.87
Chi phí QLDN	1.43	4.14	4.40	3.79	5.13
LN thuần từ HĐKD	0.81	-4.14	2.93	0.05	2.86
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	-0.34
LN trước thuế	0.81	-4.14	2.93	0.05	2.52
Lợi nhuận sau thuế	0.65	-3.31	2.55	0.04	1.93
LNST của CĐ cty mẹ	0.65	-3.31	2.55	0.04	1.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.4	108	-26.1	-9.48	-52.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.14	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.2	-116	47.8	-8.62	63.8
Tiền đầu kỳ	2.53	13.7	6.22	28.0	9.93
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-7.47**	**21.8**	**-18.1**	**11.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	13.7	6.22	28.0	9.93	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic